

Số: 40/2025/QĐST-HNGĐ

P, ngày 06 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HUNG YÊN

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 41/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Lê Thị H1, sinh năm 1991;

ĐKKHKT: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: thôn H, xã P, thị xã N, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Đỗ Mạnh D, sinh ngày 22/02/2010;

+ Cháu Đỗ Mạnh D1, sinh ngày 20/4/2017;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu D, cháu D1: Anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị H1 là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P ngày 15/12/2009 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị bình thường, khoảng năm 2013 vợ chồng

anh chị xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, đến năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ngoài ra, do vợ chồng ít có thời gian sống gần nhau nên cả hai nảy sinh nghi ngờ lẫn nhau sống không chung thủy, tình cảm vợ chồng mỗi ngày lạnh nhạt dần, sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Cuối năm 2023, hai anh chị sống ly thân nhau mỗi người một nơi, vợ chồng không ai còn quan tâm và không ai còn trách nhiệm với ai. Đến nay, cả hai anh chị khẳng định không còn tình cảm vợ chồng dành cho nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H và chị H1 đã thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn, yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho hai anh chị theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị H1 xác nhận, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Mạnh D, sinh ngày 22/02/2010 và cháu Đỗ Mạnh D1, sinh ngày 20/4/2017. Ly hôn, anh H và chị H1 thỏa thuận nhất trí giao cả hai cháu D và cháu D1 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2025 cho đến khi cả cháu D và cháu D1 đủ 18 tuổi. Anh H và chị H1 thỏa thuận, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng anh H. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị H1 đều xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị H1 thỏa thuận, anh H tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 28/4/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị H1 thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị H1 xác nhận, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Mạnh D, sinh ngày 22/02/2010 và cháu Đỗ Mạnh D1, sinh ngày 20/4/2017. Ly hôn, anh H và chị H1 thỏa thuận nhất trí giao cả hai cháu D và cháu D1 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 4/2025 cho đến khi cả cháu D và cháu D1 đủ 18 tuổi. Anh H và chị H1 thỏa thuận, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng anh H. Sau khi ly hôn, chị

Lê Thị H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị H1 đều xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Văn H và chị Lê Thị H1 thỏa thuận, anh H tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0004595 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên. Anh H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T, GCNKH số 59/2009;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền